

Quyết định số: 611/2023/HNGĐ-ST

Ngày 07 tháng 7 năm 2023

Về việc: “Ly hôn”

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Oánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Quang Cảnh

2. Ông Nguyễn Đình Thức

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1271/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 380/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 530/2023/QĐST-HPT ngày 21 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm 1982; Địa chỉ thường trú: số 29/36 đường A, phường T, quận T, Thành phố H. Địa chỉ nơi ở: số 10/18 Đ, phường T, quận , Thành phố H

* *Bị đơn:* Ông Vũ Trí Long, sinh năm 1976; Địa chỉ thường trú: số 29/36 đường số D, phường T, quận T, Thành phố H; Địa chỉ nơi ở: số 10/18 Đ, phường , quận TThành phố H.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T, sinh năm 1982 và bị đơn ông Vũ Trí L, sinh năm 1976 thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị , sinh năm 1982 và ông Vũ Trí L, sinh năm 1976

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Vũ Trí L thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 216 quyền số 01/2009 ngày 10/8/2009 của Ủy ban nhân dân phường , quận T, Thành phố H không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực.

1.2. Về con chung: Bà Trần Thị T được quyền trực tiếp nuôi 03 (ba) con chung tên Vũ Thị Minh T (nữ) sinh ngày 15/5/2010, Vũ Minh A (nữ), sinh ngày 02/7/2012 và Vũ Minh T (nam) sinh ngày 15/8/2015 và có quyền yêu cầu ông Vũ Trí L cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của bà T.

Ông Vũ Trí L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà Trần Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông Vũ Trí L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông Vũ Trí .

Trong trường hợp bà Trần Thị T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông Vũ Trí L hoặc người thân thích, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về nghĩa vụ và phương thức cấp dưỡng: Bà Trần Thị T không yêu cầu ông Vũ Trí L cấp dưỡng nuôi con chung.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết;

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T thỏa thuận nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm nhưng được cân trừ vào số tiền số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0036858 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Bà T và ông L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND Tân Quý, quận Tân Phú, Tp.HCM (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Oánh